

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;
- Quý Cổ đông.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
- Mã chứng khoán: **PPC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Km28, QL18, Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 0220.3881126 Fax: 0220.3881338
- Người CBTT: Nguyễn Hoàng Hải - Người đại diện theo Pháp luật
- Loại thông tin công bố : ☐ định kỳ ☐ bất thường ☒ 24h ☐ theo yêu cầu

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại công bố thông tin về việc bổ sung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, cụ thể như sau:

- Thông báo số 2007/TB-PPC ngày 25/04/2023 về việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Quy định thể lệ biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 (hiệu chỉnh).
- Tờ trình số 2074/TTr-PPC ngày 28/4/2023 về việc mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại năm 2022 – dự kiến năm 2023.
- Tờ trình số 2073/TTr-PPC ngày 28/4/2023 về việc thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2023 của công ty.
- Tờ trình số 2072/TTr-PPC ngày 28/4/2023 về việc sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.
- Tờ trình số 2071/TTr-PPC ngày 28/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
- Tờ trình số 2070/TTr-PPC ngày 28/4/2023 về việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
- Tờ trình số 2075/TTr-PPC ngày 28/4/2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến mức cổ tức năm 2023.
- Báo cáo 1978/BC-PPC ngày 24/4/2023 báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Báo cáo số 11/BC-BKS ngày 18/4/2023 báo cáo kiểm soát năm 2022 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

- Báo cáo ngày 5/4/2023 của thành viên hội đồng quản trị độc lập công ty trong bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Báo cáo số 2006/BC-PPC ngày 25/4/2023 của Hội đồng quản trị: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022; chương trình mục tiêu năm 2023 và các năm tiếp theo.
- Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.
- Một số tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 khác theo file đính kèm.

Chi tiết theo file đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://ppc.evn.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KT (CBTT trên trang Web);
- Lưu: VT, TCKT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Hải

**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Số: 2071/TTr-PPC

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-PPC ngày 28/04/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023,

Để đảm bảo đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp và phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. (có phụ lục sửa đổi và dự thảo Điều lệ kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Diện

Phụ lục
Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
1.	Điều 3	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Tổng giám đốc; 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật: Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này.	Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty. 2. Trường hợp chưa có Tổng Giám đốc thì người được giao quyền Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2.	Điều 7	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. 2. Cổ phiếu là <u>chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty</u> . Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu <i>(Giữ nguyên khoản 1)</i> 2. Cổ phiếu là <u>loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành</u> . Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. 3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc <u>trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định)</u> kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>(Bổ sung khoản 4)</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.</p> <p><u>5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u></p> <p><u>a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u></p> <p><u>b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u></p>
3.	Điều 12	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu ... thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu ... thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; <u>biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</u> Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>(Giữ nguyên điểm b)</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>f. Tiếp cận <u>thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</u>;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p><i>(Bổ sung các điểm j, k)</i></p>	<p><i>(Giữ nguyên các điểm d, e)</i></p> <p>f. Được tiếp cận <u>đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật</u>;</p> <p><i>(Giữ nguyên các điểm g, h, i)</i></p> <p>j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 26 và Điều 37 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. <u>Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của</p>	<p>Doanh nghiệp; (Giữ nguyên điểm j)</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; <u>việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</u></p> <p><u>(i) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p><u>(ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u></p> <p>(Giữ nguyên điểm b)</p> <p><u>c. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao</u></p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; (Bổ sung điểm e)</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. (Bổ sung khoản 4)</p>	<p><u>dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</u> (Giữ nguyên điểm d)</p> <p><u>e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</u> (Giữ nguyên điểm e).</p> <p>4. Tổ chức là cổ đông của Công ty: có sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 10% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ trên 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.</p>
4.	Điều 13	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: <u>1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u> 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: <u>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</u> <u>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy</u></p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p><u>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</u> <u>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</u> 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>6. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><u>định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</u> <u>3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</u> <u>4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</u> 5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a) Vi phạm pháp luật; b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			<p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;</p> <p>8. <u>Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</u></p> <p>9. <u>Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;</u></p> <p>10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>
5.	Điều 14	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</u>, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u> yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ</p>	<p>thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <u>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối</u>, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán <u>được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</u> dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên <u>và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</u></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p><i>(Giữ nguyên điểm a)</i></p> <p><i>(Lược bỏ điểm b)</i></p> <p><i>(Giữ nguyên điểm c)</i></p> <p>c. <u>Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</u>; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>đồng có liên quan;</p> <p>e. <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u></p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. <u>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u></p> <p><i>(Giữ nguyên điểm f)</i></p>
6.	Điều 15	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>n) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>o) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p>	<p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>h) Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; Báo cáo tiền thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;</p> <p>i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần</p> <p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định giao dịch đầu tư, bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q) Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			<p>Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Quyết định thay đổi vốn Điều lệ của Công ty;</p> <p>t) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
7.	Điều 17	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <u>khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</u></p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực <u>khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>
8.	Điều 18	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>(Bổ sung khoản 6)</i></p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			đồng cổ đông chấp thuận.
9.	Điều 19	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</u></p> <p>(Bổ sung khoản 4)</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</u></p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này</p>
10.	Điều 20	<p>Điều 20. Thử thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</p>	<p>Điều 20. Thử thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <u>theo trình tự sau:</u></p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.</u> Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. <u>Kết quả kiểm</u></p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để</p>	<p>phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa <u>hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) <u>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu</u></p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p><u>bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</u></p> <p><u>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u></p> <p><u>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			<p>hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
11.	Điều 21	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p><u>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</u></p> <p><u>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</u></p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc i) sửa đổi và bổ sung Điều lệ; ii) loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; iii) việc tổ chức lại hay giải thể Công ty; iv) dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>
12.	Điều 22	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên <u>51%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</u></p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên <u>50%</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
13.	Điều 23	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</u></p> <p>4. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</u></p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (Lược bỏ khoản 3, 4)</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>
14.	Điều 24	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <u>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng</u> theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</u></p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng</u> quy định của Luật Doanh nghiệp và</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p>Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <u>Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u></p>
15.	Điều 25	<p>Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.</p> <p>2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này và Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	(Lược bỏ Điều 25)
16.	Điều 26	<p>Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. <u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn</u></p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p><u>liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;</u></p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</u></p>	<p>10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; <u>từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên.</u></p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng <u>trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u></p>
17.	Khoản 1 Điều 27	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>là từ 5 đến 7 người, số lượng cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</u> Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>không quá năm (05) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <u>là 07 (bảy) người.</u></p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị <u>là 05 (năm) năm</u> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <u>Số thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định pháp luật.</u></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị <u>không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị</u> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp nhận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p><i>(Bổ sung khoản 5)</i></p> <p>4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</p>	<p><u>Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</u></p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị <u>không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị</u> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp nhận;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 và Điều này. (Giữ nguyên khoản 4, 5)
18.	Điều 28	<p>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. <u>Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>f) Quyết định giải pháp thị trường và phát triển công nghệ;</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			<p>n) Kiến nghị mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;</p> <p>q) Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.</p> <p>r) Quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty;</p> <p>s) Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty;</p> <p>t) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;</p> <p>u) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			<p>HDQT và thành viên độc lập HDQT theo quy định của pháp luật;</p> <p>v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
19.	Điều 29	<p>Điều 29. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị (Bổ sung khoản 1)</p> <p>1. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</u></p> <p>2. <u>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục</u></p>	<p>Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</u></p> <p>2. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</u></p> <p>3. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành</u></p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p><i>(Bổ sung khoản 6)</i></p>	<p>mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p><i>(Giữ nguyên khoản 3, 4)</i></p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>
20.	Điều 31	<p>Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>2. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</u></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, <u>không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</u></p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; d. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy</p>	<p>b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; d. Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. <u>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u></p> <p>9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. <u>Thành viên Hội đồng quản trị được xem là có tham dự và biểu quyết tại cuộc họp khi:</u></p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>Trường hợp <u>cuộc họp lần thứ nhất</u> không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>
21.	Điều 35	<p>Điều 35. Người điều hành công ty (<i>Bổ sung khoản 1</i>)</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và</p>	<p>Điều 34. Người điều hành công ty</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. (<i>Giữ nguyên khoản 1</i>)</p> <p>3. <u>Thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng</u></p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, <u>lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với</u> Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p>(Bổ sung khoản 4)</p>	<p>giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p>
22.	Điều 36	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định chung của pháp luật, Điều lệ công ty và đảm bảo các điều kiện sau:</p> <p>b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>(Giữ nguyên khoản 1)</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp và tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty ... và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</p> <p>c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.</p> <p><i>(Bổ sung khoản 3)</i></p> <p>3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>f. Quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của từ cấp quản lý Phó trưởng phòng hoặc tương đương trở xuống;</p>	<p>3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty;</p> <p>i) Trước ngày 20 tháng 10 hằng năm, Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			05 năm và <u>dài hạn của Công ty</u> ; k) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này; l) Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền; m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.
23.	Điều 38	Điều 38. Kiểm soát viên 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là <u>ba (03) người</u> . Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là <u>05 (năm) người</u> . Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.</u>
24.	Điều 40	Điều 40. Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong	Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; <u>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</u> 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
			<p>đồng. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>
25.	Điều 42	<p>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc <u>bằng hai mươi phần trăm (20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <u>hai mươi phần</u></p>	<p>tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc <u>bằng 35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p><u>trăm (20%)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn <u>35%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p>
26.	Điều 44	<p>Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại</p>	<p>Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết</p>

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	Đại hội đồng cổ đông; b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. 2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
27.	Điều 49	Điều 49. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12.	Điều 50. Năm tài chính Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 <u>dương lịch hàng năm.</u>
28.	Điều 50	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt	Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý 1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo,

STT	Điều khoản	Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung đề nghị ĐHĐCĐ thông qua
		<p>động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>
29.	Điều 53	<p>Điều 53. Con dấu</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định <u>thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</u></p>	<p>Điều 54. Dấu của Công ty</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định <u>loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</u></p>
30.	Điều 54	<p>Điều 54. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 55. Giải thể Công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Giải thể theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;</p> <p>b. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>c. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>



DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

*(Được sửa đổi, bổ sung và thông qua
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023)*

Hải Dương, tháng 5 năm 2023

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ sửa đổi này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào **ngày 24 tháng 5 năm 2023**

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

f) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

k) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

1) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

o) *Công ty* là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định và văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LAI

- Tên Công ty bằng tiếng Anh: PHA LAI THERMAL POWER JOINT STOCK COMPANY.

- Tên viết tắt: **PPC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Km 28 quốc lộ 18, phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0220 3881126

- Fax: 0220 3881338
- E-mail: plpc@ppc.evn.vn
- Website: www.ppc.evn.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

2. Trường hợp chưa có Tổng Giám đốc thì người được giao quyền Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách nhiệm vụ Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- a) Hoạt động, sản xuất, kinh doanh điện;
- b) Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- c) Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- d) Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- e) Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- f) Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ - nhiệt điện;

- g) Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- h) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị Nhà máy điện;
- i) Cho thuê tài sản.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận. Phân đầu đảm bảo lợi ích cho công ty và cổ đông;
- Phân đầu và duy trì đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động;
- Đảm bảo thực hiện tốt các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước, chú trọng đến công tác phát triển nguồn điện.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 3.107.000.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba nghìn một trăm linh bảy tỷ đồng*); Sau khi phát hành thêm cổ phiếu thưởng 5%, hiện tại vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 đồng (*bằng chữ: Ba nghìn hai trăm sáu mươi hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 326.235.000 cổ phần (*ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn cổ phần*) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (*mười nghìn đồng một cổ phần*).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông khi phát hành thêm, phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ

đồng đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo lãi suất tiền gửi 12 (mười hai) tháng bình quân của các Ngân hàng thương mại cổ phần: Vietcombank, Vietinbank, Agribank và BIDV vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ

phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này; việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

(i) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

(ii) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số

lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổ chức là cổ đông của Công ty: có sở hữu ít hơn 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ 10% đến 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền; sở hữu từ trên 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa **05** người đại diện theo ủy quyền.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- e) Vi phạm pháp luật;
 - f) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - g) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty;
8. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
9. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp;
10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba

mười) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Khoản 2 **Điều 27 Điều lệ này;**

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Tổng số tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty;

j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Chấp thuận việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Quyết định thay đổi vốn điều lệ của Công ty;

t) Thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai

(02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp đại hội lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội

đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của

tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ

và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định

tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

2. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

3. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong trường hợp này, các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

i) Các thông tin khác (nếu có).

j) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên, từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa 09 (chín) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ

liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị và tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức và được chấp nhận;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường và phát triển công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Quyết định thành lập các tiểu ban Hội đồng Quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
- r) Quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của Công ty;
- s) Phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ; phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Công ty;
- t) Hội đồng quản trị quyết định việc tiếp nhận và bổ nhiệm cán bộ quản lý giữ chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng hoặc tương đương tại Công ty do Công ty mẹ hoặc cổ đông lớn giới thiệu;
- u) Xây dựng cơ chế, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT (bao gồm thành viên độc lập HĐQT) để có cơ sở kiến nghị ĐHQĐ quyết định việc đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật;

v) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ về quản trị Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm

chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định của Pháp luật (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối

với các thành viên Hội đồng quản trị ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ

thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 43 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch Hội đồng quản trị.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội

dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp và biểu quyết.

17. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, ít nhất là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách

nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, 01 (một) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị Công ty quyết định.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành công ty phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 5 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp

và tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty ... và, hoặc Quy chế về công tác cán bộ của Công ty (nếu có).

3. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty;

i) Trước ngày 20 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm và dài hạn của Công ty;

j) Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ này;

k) Ký kết hợp đồng, thoả thuận nhân danh Công ty theo thẩm quyền;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng Ban kiểm soát sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên Ban kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; là người lao động của công ty;
- c) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3

số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng **35 %** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn **35 %** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành công ty, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu

trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo tài chính bán niên được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến

hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 54. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Giải thể theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
- b) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- c) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản

trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại nhất trí thông qua ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở chính Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHỦ TỊCH HĐQT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 1

Điều 1. Giải thích thuật ngữ..... 1

CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 2

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 2

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty..... 3

CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY..... 3

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 3

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 4

CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP..... 4

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 4

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu..... 5

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác..... 6

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần..... 6

Điều 10. Thu hồi cổ phần..... 6

CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT..... 7

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 7

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 8

Điều 12. Quyền của cổ đông..... 8

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông..... 10

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 13

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 17. Thay đổi các quyền 16

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 17

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 28. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	32
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	34
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	38
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	38
CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	39
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	39
Điều 34. Người điều hành công ty	40
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	40
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	42
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	42
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	43
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	43

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	44
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	45
CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	45
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng	45
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	46
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	47
CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY. 48	48
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	48
CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG ĐOÀN	49
Điều 46. Công nhân viên và Công đoàn	49
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	49
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	49
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	50
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	50
Điều 49. Năm tài chính	50
Điều 50. Chế độ kế toán.....	50
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	51
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý.....	51
Điều 52. Báo cáo thường niên.....	51
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	51
Điều 53. Kiểm toán	51
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA CÔNG TY	52
Điều 54. Dấu của Công ty	52
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ CÔNG TY	52

Điều 55. Giải thể Công ty	52
Điều 56. Thanh lý.....	53
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	54
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ	54
CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	54
Điều 58. Điều lệ công ty	54
CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC	55
Điều 59. Ngày hiệu lực	55

Số: 2070/TTr-PPC

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày/ 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐQT ngày 28/4/2023 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ đơn xin từ nhiệm của ông Vũ Xuân Dũng.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị, như sau:

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị PPC đối với ông Vũ Xuân Dũng.

(Đơn từ nhiệm của ông Vũ Xuân Dũng gửi kèm theo).

2. Bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị

Bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị làm việc theo chế độ chuyên trách đối với ông Mai Quốc Long, Người đại diện phần vốn của EVNGENCO2 tại PPC.

(Sơ yếu lý lịch ông Mai Quốc Long gửi kèm theo).

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCLĐ, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Diện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

ĐƠN TỪ NHIỆM

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
- Hội đồng quản trị Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại

Tôi tên là: **Vũ Xuân Dũng** Sinh ngày: **17/3/1976**

Số CCCD: **030076003792**, cấp ngày **15/9/2022** tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Hiện tôi đang là Thành viên HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.

Thực hiện quyết định số **50/QĐ-HĐQT** ngày **14/4/2023** của Tổng Công ty Phát điện 2 Quyết định về việc thôi ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng Công ty Phát điện 2 tại Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại

Nay, Tôi làm đơn này kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cho phép tôi được từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại kể từ ngày **24/5/2022**.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông đã tin tưởng và giúp đỡ tôi trong thời gian thực hiện nhiệm vụ của thành viên HĐQT.

Đồng thời tôi xin cảm ơn BKS, các TV HĐQT, Ban TGD Công ty cùng tất cả CBCNV & NLD của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại đã quan tâm, hỗ trợ trong quá trình tôi đảm nhận nhiệm vụ.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận đơn xin từ nhiệm của tôi.

Kính chúc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại luôn ổn định và phát triển bền vững.

Trân trọng./.

Hải Dương, ngày 20 tháng 4 năm năm 2023

Người làm đơn



Vũ Xuân Dũng

SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC



- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa): MAI QUỐC LONG
- 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày: 10/09/1978, Giới tính (nam, nữ): Nam
- 4) Nơi sinh: Thành phố Hà Nội
- 5) Quê quán: Thạch Bàn, Long Biên, Thành phố Hà Nội.
- 6) Dân tộc: Kinh.
- 7) Tôn giáo: Không

8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P4 C32 Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

9) Nơi ở hiện nay: Số 5 ngõ 45 phố Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng: Đơn vị trong Ngành chuyên đến

11) Ngày tuyển dụng: 01/12/2002, Cơ quan tuyển dụng: Ban QLĐA Thủy điện 1 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam

12) Chức vụ (chức danh) hiện tại: Kế toán trưởng Tổng công ty Phát điện 2, Ủy viên BCH Đảng ủy Tổng công ty Phát điện 2, Ủy viên thường vụ BCH Công đoàn Tổng công ty.

13) Công việc chính được giao: Kế toán trưởng Tổng công ty Phát điện 2

14) ngạch công chức (viên chức): Kế toán trưởng - Tổng công ty hạng đặc biệt và tương đương, Mã ngạch: .B.17-03.01

Bậc lương: 2/2, Hệ số: 7,33 Ngày hưởng: 08/10/2018

Phụ cấp chức vụ:..... Phụ cấp khác:

15.1- Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào): 12/12

15.2- Trình độ chuyên môn cao nhất: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

15.3- Lý luận chính trị: Cao cấp. 15.4- Quản lý nhà nước:

15.5- Ngoại ngữ: Anh - Chứng chỉ C, 15.6- Tin học: Văn phòng

16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: 26/01/2008 Ngày chính thức: 26/01/2009

17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội: Ngày vào Đoàn TNCSHCM: 26/3/1991

20) Sứ mệnh công tác: Tài chính kế toán doanh nghiệp, quản lý vốn và tài sản của Tổng công ty Phát điện 2 và dẫn tư tài chính tại các công ty con.

21) Khen thưởng:

* Năm 2022:

- 346/QĐ-EVNGENCO2 ngày 09/12/2022: Chiến sĩ Thi đua Cơ sở cấp Tổng công ty;

- 1525/QĐ-EVN ngày 31/10/2022: Thành tích xuất sắc đóng góp cho sự phát triển Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

- 502/QĐ-UBQLVNN ngày 22/9/2022: Bằng khen của Ủy ban Quản lý Vốn nhà nước

- Chiến sỹ thi đua cấp Ủy ban – Thành tích xuất sắc giai đoạn 2019-2021.

* Năm 2021:

- 228/QĐ-UBQLVNN ngày 07/6/2021: Bằng khen của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước;
 - 1871/QĐ-EVN ngày 31/12/2021: Thành tích xuất sắc giai đoạn 2019-2020; Bằng khen cấp Tập đoàn: Hoàn thành xuất sắc cổ phần hoá
 - * Năm 2020:
 - 369/QĐ-EVNGENCO2: Giấy khen cấp Tổng công ty; 372/QĐ-EVNGENCO 2: Chiến sĩ Thi đua Cơ sở;
 - 348/QĐ-EVNGENCO 2: Lao động tiên tiến.
 - * Năm 2019:
 - 435/QĐ-EVNGENCO 2: Lao động tiên tiến; 440/QĐ-EVNGENCO 2: Chiến sĩ Thi đua cơ sở.
 - 1933/QĐ-EVN ngày 25/12/2019: Bằng khen cấp Tập đoàn;
 - * Năm 2018:
 - 37/QĐ-TTg: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ;
 - 600/QĐ-EVNGENCO2: Lao động tiên tiến.
 - * Năm 2017:
 - 557/QĐ-GENCO2: Chiến sĩ Thi đua Cơ sở; 52/QĐ-GENCO2: Lao động tiên tiến;
 - 1415/QĐ-EVN: Kỷ niệm chương; 490/QĐ-EVN: Bằng khen cấp Tập đoàn;
 - 27/QĐ-UBND: Bằng khen UBND TP Cần Thơ.
 - * Năm 2016:
 - 3604/QĐ-BCT: Bằng khen Bộ Công thương;
 - 648/QĐ-GENCO2: Chiến sĩ Thi đua Cơ sở; 29/QĐ-GENCO2: Lao động tiên tiến.
 - * Năm 2015:
 - 109/QĐ-GENCO2: Lao động tiên tiến; 73/QĐ-GENCO2: Chiến sĩ Thi Đua Cơ sở;
 - 159/QĐ-UBND: Bằng Khen UBND TP Cần Thơ ;
 - 469/QĐ-EVN: Bằng khen cấp Tập đoàn; 388/QĐ-EVN: Bằng khen cấp Tập đoàn;
 - * Năm 2014:
 - 109/QĐ-GENCO2 ngày 04/02/2016: Lao động tiên tiến; 677/QĐ-GENCO2: Giấy khen cấp Tổng công ty.
 - 1182/QĐ-EVN: Bằng khen cấp Tập đoàn khen cấp Tập đoàn;
 - * Năm 2013:
 - 461/QĐ-BCT: Bằng khen cấp Bộ Công thương.
- 22) Ký luật: Không có.
- 23) Tình trạng sức khoẻ: Tốt.
- Chiều cao: 1,75m ; Cân nặng: 83 kg; Bệnh mãn tính: Không
- 24) Lã thương binh hạng: .../..... Lã con giu đình chính sách: Con thương binh 4/4
- 25) Số chứng minh nhân dân: 001078027084. Ngày cấp: 29/03/2021
- 26) Số sổ BHXH: 0105003733

27) Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm - đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ
Đại học Tài chính – Kế toán Hà Nội	Tài chính Doanh nghiệp	Tháng 8/1997 đến tháng 7/2001	Chính quy	Cử nhân
Đại học Griggs, Hoa Kỳ	Thạc sĩ QTKD chuyên ngành Tài chính	Tháng 7/2008 đến tháng 6/2010	Chính quy	Thạc sĩ
Học viện chính trị Khu vực IV	Lý luận chính trị	01/01/2018 - 06/01/2020	Tại chức	Cao cấp LLCT
Trung tâm Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Mỹ	Tiếng Anh	Tháng 7/2008 đến tháng 1/2009	Chính quy	Chứng chỉ C
Học viện Tài chính – Bộ Tài chính	Kế toán trưởng	Tháng 11/2009 đến tháng 12/2009	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Học viện Tài chính – Bộ Tài chính	Nghiệp vụ Kiểm soát viên	Tháng 5/2013 đến tháng 5/2013	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Trung tâm Công nghệ Quản lý Chất lượng Công trình Xây dựng Việt Nam – Cục Giám định Nhà nước về Chất lượng Công trình Xây dựng	Nghiệp vụ Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình	Tháng 12/2009 đến tháng 12/2009	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
TP.Hồ Chí Minh	Đào tạo nhận thức về ATTT cho tất cả CBCNV	29/10/2020 - 30/10/2020	Ngắn hạn	Chứng chỉ
Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế – Kế hoạch – Bộ KH&ĐT	Quản lý Đấu thầu	Tháng 6/2007 đến tháng 6/2007	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Cần Thơ	Tổ chức Hội thảo Tư duy chiến lược trong CMCN 4.0 và chuyển đổi số thời kỳ hậu Covid-19	15/09/2020 - 15/09/2020	Ngắn hạn	Chứng chỉ

Cần Thơ	Huấn luyện an toàn lao động vệ sinh lao động - Nhóm 2 theo Thông tư 27/2013/TT-BLĐTBXH	16/07/2020 - 16/07/2020	Tập huấn	Chứng chỉ
Trường đào tạo khác	Đào tạo về phần hệ kế hoạch tài chính (ERP)	13/07/2020 - 17/07/2020	Ngắn hạn	Chứng chỉ
Trường đào tạo khác	Đào tạo về phần hệ kế hoạch tài chính (ERP)	29/06/2020 - 02/07/2020	Ngắn hạn	Chứng chỉ
Đà Nẵng	Đào tạo về phần hệ kế hoạch tài chính (ERP)	25/06/2020 - 27/06/2020	Ngắn hạn	Chứng chỉ
Cần Thơ	Phương pháp đánh giá KPI	02/06/2020 - 26/06/2020	Ngắn hạn	Chứng chỉ
Miền Nam	Bồi dưỡng cán bộ công đoàn theo yêu cầu chuyển môn: TTND, UBKT, TCKT...	24/10/2019 - 23/10/2019	Ngắn hạn	Chứng chỉ
Cần Thơ	Đào tạo nghiệp vụ tài chính - kế toán	03/10/2019 - 04/10/2019	Ngắn hạn	Chứng chỉ
Hà Nội	Quản trị tài chính cho người đứng đầu doanh nghiệp	13/05/2019 - 22/05/2019	Ngắn hạn	Chứng chỉ
TP Hồ Chí Minh		15/07/2019 - 20/07/2019		
Trường Cao đẳng Điện lực TP Hồ Chí Minh	Cán bộ quản lý cấp 2	15/06/2018 - 13/07/2018	Ngắn hạn	Chứng nhận

Ghi chú: Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyển tu, bồi dưỡng / Văn bằng: TSK11, TS, Ths, Cử nhân, Kỹ sư

28) Tóm tắt quá trình công tác

Thời gian / Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ,.....	
Từ tháng 12/2002 đến tháng 5/2006: Chuyên viên phòng Tài chính – Kế toán, Ban QLDA Thủy điện 1.	
Từ tháng 06/2006 đến tháng 11/2007 - Tổ trưởng Tổ Tài chính phòng Tài chính – Kế toán, Ban QLDA Thủy điện 1; Phó Bí thư Đoàn thanh niên Ban QLDA Thủy điện 1.	
Từ tháng 12/2007 đến tháng 4/2011 - Phó trưởng phòng Tài chính phòng Tài chính – Kế toán, Ban QLDA Thủy điện 1; Bí thư Đoàn thanh niên Ban QLDA Thủy điện 1.	
Từ tháng 05/2011 đến tháng 7/2011 Chuyên viên phòng Tài chính – Kế toán, công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	
Từ tháng 08/2011 đến tháng 12/2012 Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn; Bí thư Chi bộ 3 – Đảng ủy viên Đảng bộ công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	
Từ tháng 01/2013 đến 14/4/2014 Kế toán trưởng, công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn; Bí thư Chi bộ 3 – Đảng ủy viên Đảng bộ công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	
Từ tháng 15/4/2014 đến nay: Kế toán trưởng Tổng công ty Phát điện 2	
Từ tháng 5/2015 đến nay: Kế toán trưởng Tổng công ty Phát điện 2; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Phát điện 2; Ủy viên thường vụ Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty Phát điện 2	

29) Đặc điểm lịch sử bản thân:

- Khai rở: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu), đã khai bao cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc ...); Không có.

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu?): Không có.

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ): Không có.

30) Quan hệ gia đình

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội
Bố	Mai Văn Phúc	1953	Quê quán: Thạch Bàn - Gia Lâm - Hà nội. Nghi hưu. Nơi ở: Hà Nội
Mẹ	Trịnh Thị Thành	1951	Quê quán: Phú Lý - Hà Nam. Nghi hưu. Nơi ở: Hà Nội
Vợ	Nguyễn Thị Diệp	1983	Quê quán: Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên. Chuyên viên phòng TCKT, Công ty TNHH MTV thủy điện Trung Sơn. Nơi ở: Hà Nội
Con trai	Mai Quốc Khánh	2007	Học sinh, Hà Nội
Con gái	Mai Hà Anh	2011	Học sinh, Hà Nội
Con trai	Mai Quốc Hùng	2022	Còn nhỏ, Hà Nội
Anh trai	Mai Quốc Bảo	1977	Quê quán: Thạch Bàn - Gia Lâm - Hà nội. Nhân viên, Công ty TNHH Việt Dũng, Hà Nội

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột.

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội
Bố	Nguyễn Khắc Dũng	1963	Quê quán: Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên. Nông dân. Nơi ở: Yên Bái.
Mẹ	Trịnh Thị Hằng	1962	Quê quán: Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên. Nông dân. Nơi ở: Yên Bái.
Chị gái	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1981	Quê quán: Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên. Giáo viên. Nơi ở: Si Ma Cai, Lào Cai
Em gái	Nguyễn Thị Kim	1985	Quê quán: Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên. Giáo viên. Nơi ở: Si Ma Cai, Lào Cai
Em gái	Nguyễn Thị Oanh	1988	Quê quán: Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên. Giáo viên. Nơi ở: Thị Trấn Than Uyên, Lai Châu
Em gái	Nguyễn Thị Minh Phương	1993	Quê quán: Phú Thịnh - Kim Động - Hưng Yên. Chuyên viên công ty TNHH MTV thủy điện Trung Sơn. Nơi ở: Hà Nội

31) Diễn biến quá trình lương của cán bộ, công chức

Tháng/năm:	12/ 2002	10/ 2004	12/ 2005	12/ 2008	01/ 2013	5/ 2014	10/2 2015	10/ 2018
Ngạch/bậc:	B21.2, Bậc 1/8	B19.4 Bậc 1/8	B19.4 Bậc 2/8	B19.4 Bậc 3/8	B17.03 Bậc 1/2	B17.03 Bậc 1/2	B17.03 Bậc 1/2	B17.03 Bậc 2/2
Hệ số lương:	1,78	2,34	2,65	2,96	5,65	6,64	7,00	7,33

32) Nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức

.....

.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời
khai trên đây là đúng sự thật



Mai Quốc Long

Cần Thơ, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý
và sử dụng CBCS
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Hoàng Vũ

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến mức cổ tức năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính của Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài năm 2022 đã kiểm toán và dự kiến Kế hoạch năm 2023 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NĐ-HĐQT ngày 28/04/2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại Về việc thông qua các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.


Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 về việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến mức chia cổ tức năm 2023 như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2022:

STT	Nội dung	Dự kiến (ĐVT: đồng)	Ghi chú
I	Tổng lợi nhuận phân phối	543.059.052.925	
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	497.202.717.339	BCTC sau kiểm toán
2	Lợi nhuận năm trước còn để lại (Tài sản thuế TNDN hoãn lại)	45.856.335.586	BCTC sau kiểm toán
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Chi trả cổ tức		
	Tỷ lệ Cổ tức	8%	
	Số tiền Chi trả Cổ tức	256.490.443.200	
2	Trích Quỹ phúc lợi	28.337.503.750	1,5 tháng lương
3	Trích Quỹ khen thưởng	28.337.503.750	1,5 tháng lương
4	Trích Quỹ thưởng Viên chức Q. lý	405.607.125	1,5 tháng lương
5	Trích quỹ ĐTP	67.494.207.537	
	Cộng 1 đến 5	381.065.265.362	
6	Lợi nhuận để lại	161.993.787.563	

2. Dự kiến mức cổ tức năm 2023:

Căn cứ dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, HĐQT Công ty đề xuất dự kiến mức cổ tức năm 2023 là: 5% vốn điều lệ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.



Nguyễn Xuân Điện

BAN KIỂM SOÁT

Số: 11/BC-PPC

Hải Dương, ngày 18 tháng 4 năm 2023

**BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát (“BKS”) được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (“Công ty”) ngày 23/4/2021.

BKS Công ty kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2023 kết quả hoạt động của BKS tại Công ty năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau: báo cáo được xây dựng trên cơ sở kiểm soát trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh (“SXKD”) tại Công ty, soát xét báo cáo tài chính (“BCTC”) đã được kiểm toán. Tổng hợp các báo cáo liên quan, kiểm tra chọn mẫu chứng từ kế toán, kiểm tra đối chiếu các báo cáo nhập xuất tồn vật tư, kiểm tra chọn mẫu hồ sơ quyết toán các công trình sửa chữa lớn (“SCL”) hoàn thành trong năm 2022.

1. Nội dung, phạm vi, giới hạn và thời gian kiểm soát

1.1. Nội dung kiểm soát:

1.1.1. Giám sát việc quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ số 333/NQ-HĐQT ngày 24/6/2022 (“NQ số 333/NQ-HĐQT”).

1.1.2. Đánh giá tính kinh tế, hiệu quả và hiệu lực trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản; tuân thủ pháp luật, chế độ quản lý tài chính - kế toán.

1.1.3. Thông qua hoạt động kiểm soát phát hiện ra các tồn tại, sai sót để kiến nghị với Ban điều hành (“BDH”) chấn chỉnh công tác điều hành hoạt động SXKD, công tác quản lý tài chính kế toán của Công ty và đề xuất những kiến nghị để khắc phục những tồn tại được phát hiện thông qua kiểm soát.

1.2. Phạm vi kiểm soát: năm 2022.

1.3. Giới hạn kiểm soát: BKS đã chứng kiến kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm kê tiền mặt, kiểm kê vật tư hàng hóa tồn kho (chọn mẫu), kiểm soát các bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2022; không đối chiếu, xác minh hoá đơn mua vật tư, dịch vụ, nợ phải thu, phải trả với các đơn vị và cá nhân liên quan.

1.4. Thời gian kiểm soát: ngay sau khi NQ số 333/NQ-HĐQT có hiệu lực đến ngày 17/3/2023 (ngày đơn vị kiểm toán độc lập phát hành BCTC kiểm toán).

PHẦN I

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

1. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1. Cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Ông Ngô Nguyên Đồng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Quách Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Lương Trường Luân	Thành viên (từ ngày 23 tháng 6 năm 2022)
Ông Trần Anh Duy	Thành viên (đến ngày 23 tháng 6 năm 2022)

1.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm

Hoạt động của BKS luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật cũng như các quy định của Công ty.

Định kỳ, BKS họp thông qua các nội dung biên bản kiểm soát của Công ty. Trong quá trình làm việc, do tính chất công việc và khoảng cách địa lý, BKS thường xuyên thực hiện trao đổi công việc qua các phương tiện email, điện thoại để các hoạt động được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất. Năm 2022, BKS đã họp 03 lần, số lượng thành viên tham dự là 3/3 số thành viên BKS, biên bản kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, các thành viên BKS tham dự họp đều ký tên vào biên bản cuộc họp. Cụ thể:

- + Phiên họp lần 1: thẩm tra BCTC cho năm kết thúc ngày 31/12/2021 và quý 1 năm 2022.
 - Soát xét BCTC năm 2021 và quý 1 năm 2022 theo chuẩn mực.
 - Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết ngày 23/4/2021 và NQ số 333/NQ-HĐQT.
 - Kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và thực hiện hợp đồng năm 2021.
 - Rà soát tính phù hợp pháp luật của các quy chế quản lý nội bộ (“QCQLNB”) trong Công ty.
 - Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Nhà nước trong công tác mua sắm, quản lý và sử dụng nhiên liệu.

Biên bản kiểm soát số 19/PPC-BKS ngày 15/4/2022.

- + Phiên họp lần 2: kiểm soát quý 2 và 3 năm 2022 (do ảnh hưởng của đại dịch

COVID-19, quý 2 năm 2022, các thành viên BKS kiểm soát trực tuyến trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu được Công ty cung cấp. Biên bản kiểm soát quý 2 được lập gộp vào quý 3 năm 2022).

- Soát xét BCTC quý 2 và 3 năm 2022 theo chuẩn mực.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện NQ số 333/NQ-HĐQT.
- Rà soát tính phù hợp pháp luật của các QCQLNB trong Công ty.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Nhà nước trong công tác mua sắm, quản

lý và sử dụng nhiên liệu.

- Kiểm tra việc tuân thủ quy định và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật.
- Kiểm tra công tác sửa chữa tài sản cố định của Công ty.

Biên bản kiểm soát số 31/PPC-BKS ngày 15/9/2022.

+ Phiên họp lần 3: kiểm soát quý 4 năm 2022.

- Soát xét BCTC quý 4 và năm kết thúc ngày 31/12/2022 theo chuẩn mực.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện NQ số 333/NQ-HĐQT.
- Rà soát tính phù hợp pháp luật của các QCQLNB trong Công ty.
- Kiểm tra việc tuân thủ quy định trong công tác mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết

bị phục vụ sản xuất điện.

- Giám sát, đánh giá HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện phần vốn trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn góp chi phối (EVNGENCO2).
- Giám sát tổ chức thực hiện các dự án đầu tư.

Biên bản kiểm soát số 08/PPC-BKS ngày 20/3/2022.

Bên cạnh đó, (i) BKS phối hợp đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán giữa kỳ và kết thúc năm; (ii) Trưởng BKS chuyên trách làm việc tại Công ty thường xuyên kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và (iii) các thành viên BKS/Trưởng BKS tham dự các cuộc họp HĐQT, giao ban tuần, tháng và các cuộc họp khác có liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư xây dựng (“ĐT XD”). Tại cuộc họp, các thành viên BKS/Trưởng BKS tham gia ý kiến đối với Lãnh đạo Công ty để chỉ đạo các hoạt động đảm bảo lợi ích cho Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông.

2. KẾT QUẢ KIỂM SOÁT

2.1. Tình hình thực NQ số 333/NQ-HĐQT

2.1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	5.427,60	5.574,42	102,70
1.1	Doanh thu SXKD điện	tỷ đồng	5.121,74	5.263,91	102,78
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	284,73	295,25	103,70
1.3	Doanh thu hoạt động khác	tỷ đồng	21,14	15,25	72,16
2	Tổng chi phí	tỷ đồng	5.149,75	5.015,79	97,40
2.1	Chi phí SXKD điện	tỷ đồng	5.143,74	5.012,36	97,45
2.2	Chi phí hoạt động tài chính	tỷ đồng		2,62	
2.3	Chi phí hoạt động khác	tỷ đồng	6,02	0,81	13,42
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	277,85	558,63	201,06
3.1	Lợi nhuận từ sản xuất điện	tỷ đồng	(22,00)	251,56	(1.143,44)
3.2	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	tỷ đồng	284,73	292,63	102,77
3.3	Lợi nhuận từ hoạt động khác	tỷ đồng	15,12	14,45	95,54
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	277,85	479,20	172,47
5	Cổ tức	%	6		0

Sản lượng điện sản xuất:

3.197 triệu kWh, bằng 79,09% so với kế hoạch năm và 107,84% so với cùng kỳ năm 2021.

Sản lượng điện thương phẩm:

2.878 triệu kWh, bằng 78,89 % so với kế hoạch năm và 107,3% so với cùng kỳ năm 2021.

Tổng doanh thu:

5.574,42 tỷ đồng bằng 126,96% so với năm 2021 và 102,7% so với kế hoạch năm 2022.

Tổng chi phí:

5.015,79 tỷ đồng bằng 119,04 % so với năm 2021 và 97,39% so với kế hoạch năm 2022.

Về lợi nhuận:

+ Lợi nhuận trước thuế sau kiểm toán: 558,63 tỷ đồng bằng 315,1% so với năm 2021 và 201,1% so với kế hoạch năm 2022.

+ Lợi nhuận sau thuế (“LNST”): 497,20 tỷ đồng bằng 229,99% so với cùng kỳ năm 2021 và 178,95% so với kế hoạch năm.

2.1.2. Tình hình đầu tư tài chính, góp vốn vào doanh nghiệp khác tại ngày 31/12/2022

Doanh thu hoạt động tài chính đạt 295,25 tỷ đồng bằng 65,27% so với cùng kỳ năm 2021 (452,38 tỷ đồng) và 103,7% so với kế hoạch năm. Doanh thu hoạt động tài chính cao hơn so với kế hoạch năm do Công ty đã nhận được cổ tức của phần vốn góp tại các Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là 103,88 tỷ đồng; Nhiệt điện Quảng Ninh với số tiền 117,74 tỷ đồng; EVN Quốc tế là 25,49 tỷ đồng (cao hơn kế hoạch năm); Phát triển Điện lực Việt Nam 11,31 tỷ đồng; Thủy điện Buôn Đôn là 7,56 tỷ đồng và Nhiệt điện Bà Rịa là 1 tỷ đồng (cổ tức của năm 2021 chỉ trả trong năm 2022). Bên cạnh đó, doanh thu từ lãi tiền gửi đạt 28,27 tỷ đồng bằng 87,05% so với kế hoạch năm (32,03 tỷ đồng) bằng 40,28% so với năm 2021 (70,18 tỷ đồng).

Chi phí hoạt động tài chính là 2,62 tỷ đồng. Đây là khoản trích lập chi phí dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.

a. Đầu tư ngắn hạn

Đầu năm là 615 tỷ đồng, cuối năm là 90 tỷ đồng giảm 525 tỷ đồng tương đương giảm 85,37%, bao gồm các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng đến 12 tháng.

Số tiền Công ty cho chủ sở hữu phần vốn góp chi phối (“EVNGENCO2”) huy động vốn để thực hiện đầu tư dự án điện là 188,16 tỷ đồng. Trong năm 2022, Công ty đã nhận được số tiền lãi bằng tiền từ khoản cho vay này là 10,28 tỷ đồng.

b. Đầu tư dài hạn

Tổng số vốn Công ty đầu tư góp vốn vào các đơn vị cùng ngành là 2.535,89 tỷ đồng. Trong năm, Công ty không thực hiện việc tăng/thoái vốn góp tại các đơn vị này cũng như không thực hiện góp vốn vào các dự án ngoài ngành điện khác.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đầu tư vốn trong năm 2022	Dư đầu năm	Dư cuối năm	Tỷ lệ góp vốn
1	Đầu tư vào Công ty liên kết			
1.1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055	1.451.055	25,97
2	Đầu tư tài chính	1.084.843	1.084.843	
2.1	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295	817.295	16,35
2.2	Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (“EIC”)	70.800	70.800	19,3
2.3	Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	50.250	50.250	15
2.4	Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000	100.000	10,61
2.5	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“BTP”)	46.498	46.498	1

2.1.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển sang năm sau
1. Thuế				
1. Thuế	- 7.547	108.953	90.188	11.217
- Thuế GTGT		2.725	2.725	
- Thuế TNDN	- 10.261	15.506		5.245
- Thuế Xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất		24.990	24.990	
- Các khoản thuế khác	2.714	65.733	62.474	5.973
2. Các khoản phải nộp khác		17.150	17.150	
- Phí và lệ phí		476	476	
- Các khoản phải nộp khác		16.667	16.667	

Trong đó: số còn phải nộp năm trước chuyển sang -7,54 tỷ đồng. Số phải nộp ngân sách trong năm là 126,10 tỷ đồng, số đã nộp trong năm 107,74 và còn phải nợ chuyển năm sau là 11,22 tỷ đồng.

Các khoản điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (các khoản điều chỉnh tăng doanh thu, các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế...): 23,20 tỷ đồng, trong đó:

- + Thù lao HĐQT và BKS: 0,52 tỷ đồng
- + Trích lập dự phòng vật tư thiết bị: 0,64 tỷ đồng
- + Chi phí các công trình phụ trợ máy 6 do dừng trên 12 tháng: 21,96 tỷ đồng
- + Giá trị phạt vi phạm hợp đồng nằm trong hàng tồn kho: 0,08 tỷ đồng
(giá trị phạt vi phạm hợp đồng mà Nhà thầu cấp chậm tiến độ được ghi giảm giá trị vật tư nhập kho)

2.1.4. Công tác sửa chữa lớn:

+ Chi phí SCL là 98,09 tỷ đồng bằng 25,66% so với cùng kỳ năm 2021 và 21,1% so với kế hoạch năm. Chi phí SCL thấp là do công tác đại tu S2 và S6 không thực hiện được phải chuyển tiếp sang năm 2023 (S2: 12/12 và S6: 15/17).

+ Công tác sửa chữa, khắc phục tổ máy S6: thực hiện Hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN ngày 19/9/2022 giữa Công ty và Liên anh Nhà thầu Công ty Cổ phần Truyền dẫn Long Biên, Tổng công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An, có hiệu lực kể từ ngày 19/10/2022, thời gian thực hiện hợp đồng là 180 ngày liên tục kể từ ngày 19/9/2022 đến

ngày 19/3/2023 (kết thúc chạy thử tổng hợp 72 giờ), trong đó:

Tiến độ		Tổng số ngày
Vận chuyển rotor tuabine - máy phát điện từ Công ty đến xưởng sửa chữa của Nhà thầu ở nước ngoài:		
	19/10/2022 - 06/11/2022	17,5
Sửa chữa tuabine - máy phát điện:		06/11/2022 - 06/3/2023
		120
Vận chuyển rotor tuabine - máy phát điện từ xưởng sửa chữa của Nhà thầu ở nước ngoài về Công ty:		
	06/3/2023 - 22/3/2023	17,5
Lắp đặt tổ hợp, cân bằng động, hoàn thiện tuabine - máy phát đến khi kết thúc chạy thử tổng hợp 72 giờ:		
	23/3/2023 - 17/4/2023	25
		180

Tình trạng khắc phục, sửa chữa tổ máy S6 hiện tại:

- Đã hoàn thành: rotor cao - trung áp (“HIP”) ngày 28/3/2023; đang bảo quản và chuẩn bị đóng gói HIP để vận chuyển từ xưởng sửa chữa của Nhà thầu ở nước ngoài về Công ty.
- Đang sửa chữa: rotor máy phát (“GEN”), dự kiến hoàn thành ngày 17/5/2023 và rotor hạ áp (“LP”), dự kiến hoàn thành ngày 17/6/2023.

Tiến độ đưa tổ máy S6 vào vận hành: dự kiến ngày 10/8/2023, chậm 115 ngày so với Hợp đồng số 4063/2022/HĐ-PPC-GENCO3-LONGBIEN-THANHAN.

2.1.5. Công tác đầu tư xây dựng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục	NQ số 333/NQ-HĐQT			Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	
1	Sửa chữa sân vườn, cải tạo nhà ILK và các tiểu hạng mục liên quan	20.000	380	1,9	(i) điều chỉnh, bổ sung KHSXKD của Công ty trong năm 2023 thực hiện hạng mục công trình này từ “Kế hoạch đầu tư tăng tài sản cố định” sang “Kế hoạch SCL”; (ii) đang trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu (1205/TTr-PPC ngày 15/3/2023).
2	Đầu tư nâng cấp hệ thống máy tính chủ và mạng LAN: Đáp ứng yêu thị trường bán buôn điện; hệ thống bảo mật	3.000			Công ty đang lập phương án kỹ thuật.

TT	Danh mục	NQ số 333/NQ-HĐQT			Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	
3	Đầu tư nâng cấp hệ thống Camera giám sát	6.500			Công ty chưa thực hiện.
4	Dự án chuyển đổi giao thức kết nối SCADA từ chuẩn IEC60870-5-101 sang IEC60879-5-104	4.725			Công ty đang thực hiện Hợp đồng số 725/2022/HĐ-PPC-SH-HH-01/SCADA ngày 01/3/2022 đến ngày 05/01/2023.
5	Cải tạo hệ thống thu gom nước mặt khu vực lò máy DC2	6.000			Công ty chưa thực hiện.
6	Chuyển đổi số trong Công ty	15.000			Công ty chưa thực hiện.
7	Bộ PLC điều khiển hệ thống thu bi làm sạch ống bình ngưng máy 6, Tủ điều khiển bộ sấy không khí kiểu quay lò 6	1.724			(i) đã phê duyệt dự toán, điều chỉnh nguồn vốn từ “Kế hoạch SCL” sang “Đầu tư phát triển”, (ii) tạm dừng, chưa thực hiện.
8	Hệ thống đo lường và điều khiển lò hơi 2A (Thay thế hệ thống điều chỉnh nước cấp chính, các đồng hồ đo áp lực, lưu lượng, mức nước và nhiệt độ tích hợp vào hệ thống DCS phun giảm ôn khối 2)	6.761			(i) đã phê duyệt dự toán, điều chỉnh nguồn vốn từ “Kế hoạch SCL” sang “Đầu tư phát triển”, (ii) tạm dừng, chưa thực hiện.
9	Hệ thống đo lường và điều khiển lò hơi 2B (Thay thế hệ thống điều chỉnh nước cấp chính, các đồng hồ đo áp lực, lưu lượng, mức nước và nhiệt độ tích hợp vào hệ thống DCS phun giảm ôn khối 2)	7.358			(i) đã phê duyệt dự toán, điều chỉnh nguồn vốn từ “Kế hoạch SCL” sang “Đầu tư phát triển”, (ii) tạm dừng, chưa thực hiện.
10	Hệ thống đo lường và điều khiển Tuabin (Thay thế hệ thống đo lường và tự động mức nước khử khí, bình ngưng, mức gia nhiệt hạ, mức gia nhiệt cao, hệ thống điều chỉnh POY100/13 và POY 13/6 tích hợp vào hệ thống DCS khối 2)	14.497			(i) đã phê duyệt dự toán, điều chỉnh nguồn vốn từ “Kế hoạch SCL” sang “Đầu tư phát triển”, (ii) tạm dừng, chưa thực hiện.

TT	Danh mục	NQ số 333/NQ-HĐQT			Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH (%)	
11	Hệ thống đo lường và điều khiển lò hơi 2A (Sửa chữa thay thế hệ thống thổi bụi lò hơi)	5.414			(i) đã phê duyệt dự toán, điều chỉnh nguồn vốn từ “Kế hoạch SCL” sang “Đầu tư phát triển”, (ii) tạm dừng, chưa thực hiện.
12	Đại tu phòng điều khiển FCS khối 6 (Bao gồm cả tuning các mạch vòng điều khiển)	37.987			(i) đã phê duyệt dự toán, điều chỉnh nguồn vốn từ “Kế hoạch SCL” sang “Đầu tư phát triển”, (ii) tạm dừng, chưa thực hiện.
13	Hệ thống đo lường và điều khiển lò hơi 2B (Sửa chữa thay thế hệ thống thổi bụi lò hơi)	5.506			(i) đã phê duyệt dự toán, điều chỉnh nguồn vốn từ “Kế hoạch SCL” sang “Đầu tư phát triển”, (ii) tạm dừng, chưa thực hiện.
14	Lắp đặt máy chấm công sử dụng công nghệ nhận diện khuôn mặt và vân tay	250			chưa thực hiện.
15	Thay mới trọn bộ hệ thống rơ le bảo vệ khối 1,2,4 và tự dừng dự phòng TD10	39.000			đang lựa chọn nhà thầu.
16	Trạm điện 220KV Dây chuyền 2	57.215			đang trình HĐQT dự toán.
17	Máy điện phân	39.859	38.048	95,5	đã hoàn thành.
18	Hệ thống tự dừng thế 0,4kV khối 2	24.580			chưa thực hiện.
19	Số hóa hệ thống đo chất lượng than online	40.000			đang lập dự toán tư vấn.
20	Lắp đặt hệ thống Camera phân xưởng Nhiên Liệu	2.000			đang thực hiện Hợp đồng số 5221/2022/HĐ-PPC-P&T ngày 15/11/2022: thi công đến 25/02/2023
21	Bốt trực vận hành	250			chưa thực hiện.
22	Hệ thống quan trắc nước tuần hoàn dây chuyền 1 và 2		480		khởi công từ năm 2021, hoàn thành năm 2022 và không có trong kế hoạch vốn năm 2022.
Cộng (TH/KH năm 2022):		338.126	38.428	12	

Đến năm kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty có 07/21 hạng mục ĐTXD đang thực hiện, 01/21 hạng mục ĐTXD đã hoàn thành, 13/21 hạng mục ĐTXD tạm

dừng/chưa thực hiện và 01 hạng mục ĐTXD khởi công từ năm 2021, hoàn thành năm 2022. Công tác ĐTXD đạt 11,4% so với kế hoạch năm.

2.1.6. Công tác quản trị Công ty

Năm 2022, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và ban hành các nghị quyết, quyết định; tổ chức 05 phiên họp, số lượng thành viên HĐQT tham dự theo quy định, các nội dung phiên họp đều được thảo luận và biểu quyết thông qua, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định; ban hành 274 Nghị quyết, các nội dung của Nghị quyết ban hành đáp ứng việc chỉ đạo hoạt động của Công ty theo hướng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ NQ số 333/NQ-HĐQT.

Năm kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty sử dụng 45 QCQLNB và 328 tài liệu nội bộ (“TLNB”). Trong đó, giữ nguyên 45 QCQLNB; sửa đổi, bổ sung 07 QCQLNB; ban hành mới 02 QCQLNB và áp dụng tạm thời (không có thời hạn) 15 QCQLNB {Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”): 08 và EVNGENCO2: 07}. Các QCQLNB/TLNB được ban hành và có hiệu lực phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn SXKD - ĐTXD của Công ty.

PHẦN II

KIẾN NGHỊ, KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT NĂM 2023 VÀ ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2023

1. KIẾN NGHỊ

BKS đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty trong việc kiểm soát và giám sát hoạt động của HĐQT, BDH trong việc quản lý, điều hành Công ty. Sau khi thực hiện việc kiểm soát, BKS có một số nhận xét và kiến nghị với BDH Công ty như sau:

1.1. BCTC năm 2022 đã được kiểm toán: với ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập liên quan đến khoản doanh thu thoái hoàn điện năng 161,99 tỷ đồng không được ghi nhận giảm trong BCTC cho năm kết thúc ngày 31/12/2022, khi đó áp lực về thực hiện chỉ tiêu LNST năm 2023 của Công ty sẽ hết sức khó khăn, trong bối cảnh giá thành sản xuất điện tăng cao, việc thu hồi tiền điện từ EVN kéo dài dẫn đến kết quả SXKD năm 2023 của Công ty khó hoàn thành kế hoạch do ĐHĐCĐ giao. BKS kiến nghị Công ty tiếp tục đàm phán với Các Bên có liên quan để thống nhất và ghi nhận doanh thu thoái hoàn này vào kỳ kế toán tiếp theo.

1.2. Sai số thiết bị đo đếm: sai số thiết bị đo đếm được phát hiện từ tháng 12/2018 đến hiện tại, để giảm thiểu sai số, từ tháng 4/2022, Các Bên đã tạm hoàn sai số bằng cách lấy sản lượng điện nhân với một hệ số tạm tính, tuy nhiên do sai số biến thiên nên hệ số tạm tính liên tục được điều chỉnh và Các Bên đã không thể thống nhất được cho đến năm kết thúc ngày 31/12/2022. Để xử lý sai số thiết bị đo đếm, ngày 18/10/2022 Công ty đã bắt đầu lựa chọn nhà thầu cung cấp các máy biến điện áp 110kV và 220kV (TU) để thay thế với thời gian thực hiện hợp đồng trọn gói là 120 ngày. Tại thời điểm báo cáo, gói thầu đang ở giai đoạn trình kết quả lựa chọn nhà thầu (quá 71 ngày theo quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13). Theo đánh giá của BKS thì thời gian thực hiện hợp đồng có thể còn phải kéo dài hơn 120 ngày do có thể không tạo được phương thức (cắt điện phía đường dây), hệ thống lưới không ổn định, ... BKS kiến nghị Công ty tập trung cao độ, đặt mục tiêu hoàn thành gói thầu trước tháng 7/2023 để phòng tránh các phát sinh có thể có liên quan đến việc thanh toán tiền bán điện, ảnh hưởng tới dòng tiền phục vụ SXKD của Công ty.

1.3. Dòng tiền SXKD: dòng tiền sản xuất điện của Công ty năm 2022 bị âm hơn 1.077,6 tỷ đồng (năm 2021 dương 530 tỷ), có thể nói đây là hậu quả của việc chậm

thanh toán tiền điện từ EPTC. BKS kiến nghị Công ty tăng cường phối hợp với EPTC đẩy mạnh thu hồi doanh thu bán điện nhằm đảm bảo khả năng thanh toán, sử dụng hiệu quả nguồn vốn và tuân thủ toàn diện các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng mua bán điện số 06/2021/HĐ-NMĐ-PL giữa Công ty và EVN.

1.4. Công tác sửa chữa, khắc phục tổ máy S6: sự cố tổ máy S6 ngày 16/3/2021, đến thời điểm hiện tại công tác khắc phục sự cố tổ máy S6 vẫn đang trong quá trình thực hiện tại xưởng sửa chữa của Nhà thầu ở Ấn Độ, trong đó rotor cao - trung áp đã hoàn thành, các rotor hạ áp và máy phát đang trong quá trình khắc phục. Đánh giá tình trạng khắc phục, sửa chữa tổ máy S6 hiện tại, Công ty dự kiến sẽ hoàn thành việc lắp đặt tổ hợp vào khoảng giữa tháng 8/2023. BKS kiến nghị Công ty (i) đánh giá chỉ tiêu kế hoạch sản lượng điện sản xuất năm 2023 khi tổ máy S6 đưa vào hoạt động không như dự kiến ban đầu, (ii) tiếp tục tăng cường phối hợp với Liên danh Nhà thầu để kịp thời ghi nhận thực tế sửa chữa tại xưởng, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình sửa chữa còn lại, đặt mục tiêu đưa tổ máy S6 trở lại vận hành sớm nhất có thể.

1.5. Gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực: Giấy phép hoạt động điện lực của Công ty sẽ hết hạn vào ngày 09/02/2024, Công ty đã bắt đầu rà soát các điều kiện và chuẩn bị các loại hồ sơ để đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực từ ngày 30/5/2022. Tuy nhiên, đến hiện tại một số hồ sơ vẫn chưa được tìm thấy. BKS kiến nghị Công ty khẩn trương chuẩn bị đầy đủ các loại hồ sơ trước tháng 12/2023 để kịp gia hạn Giấy phép hoạt động điện lực.

1.6. Công tác an toàn thông tin: quản trị tất cả các máy tính dùng chung tại các trạm nhiên liệu, cân than đường sắt và thí nghiệm hóa, bao gồm nhưng không giới hạn việc tạo tài khoản người dùng, phân quyền, sao lưu ghi lại các tác vụ và thao tác của người dùng, ... nhằm đảm bảo các thông tin về nhiên liệu, kết quả thí nghiệm, ... được lưu trữ lâu dài và có thể phục hồi bất cứ khi nào cần đến, nội dung của thông tin được đảm bảo toàn vẹn, không bị sửa đổi hoặc gỡ bỏ kể từ khi được tạo ra.

1.7. Công tác quản trị nhiên liệu than và dầu

1.7.1. Than: trường hợp kết quả phân tích chất lượng than của Bên Bán và Bên Mua có chênh lệch về nhiệt trị $> 71,6$ cal/g hoặc độ ẩm $> 0,5\%$, Công ty nên thuê tổ chức giám định độc lập phân tích lại làm cơ sở để đánh giá chất lượng than giao nhận, đảm bảo an toàn pháp lý, quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Đồng thời, tuân thủ toàn diện các điều khoản và điều kiện của các hợp đồng mua bán than năm 2023 giữa

Công ty và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc - Bộ Quốc phòng.

1.7.2. Dầu: kiểm định các bể dầu và thiết bị kiểm kê dầu, lập bảng dung tích các bể dầu và quy ước thống nhất cách tính toán khối lượng dầu đọng tại đường ống cho cả hai DC.

1.7.3. Tuân thủ kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo văn bản số 432/EVNGENCO2-KTGS ngày 14/02/2023 của HĐQT EVNGENCO2, phù hợp với Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội.

2. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NĂM 2023

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ Công ty, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2023 như sau:

TT	Nội dung kiểm soát	Thời gian dự kiến	Thực hiện
1	Đợt 1: kiểm soát BCTC cho năm kết thúc ngày 31/12/2022	Quý 1/2023	Thành viên BKS
1.1	Soát xét BCTC năm 2022 theo chuẩn mực		
1.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2022		Trưởng BKS
1.3	Kiểm tra công tác lựa chọn nhà thầu, hợp đồng và thực hiện hợp đồng năm 2022		
2	Đợt 2: kiểm soát Quý 1/2023	Quý 2/2023	Thành viên BKS
2.1	Soát xét BCTC Quý 1/2023 theo chuẩn mực		
2.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023		Trưởng BKS
2.3	Rà soát, đánh giá và kiến nghị hiệu đính tính phù hợp với các văn bản pháp lý của chủ sở hữu và quy phạm pháp luật của các QCQLNB trong Công ty		
2.4	Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của nhà nước trong công tác mua sắm, quản lý và sử dụng nhiên liệu		

TT	Nội dung kiểm soát	Thời gian dự kiến	Thực hiện
2.5	Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kết luận giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra và báo cáo kiểm toán (nếu có) của Công ty		
3	Đợt 3: kiểm soát Quý 2/2023	Quý 3/2023	Thành viên BKS
3.1	Soát xét BCTC Quý 2/2023 theo chuẩn mực		
3.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023		Trưởng BKS
3.3	Rà soát, đánh giá và kiến nghị hiệu đính tính phù hợp với các văn bản pháp lý của chủ sở hữu và quy phạm pháp luật của các QCQLNB trong Công ty		
3.4	Kiểm tra việc tuân thủ quy định và thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật		
3.5	Kiểm tra công tác sửa chữa tài sản cố định của Công ty		
3.6	Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kết luận giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra và báo cáo kiểm toán (nếu có) của Công ty		
4	Đợt 4: kiểm soát Quý 3/2023	Quý 4/2023	Thành viên BKS
4.1	Soát xét BCTC Quý 3/2023 theo chuẩn mực		
4.2	Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023		Trưởng BKS
4.3	Rà soát, đánh giá và kiến nghị hiệu đính tính phù hợp với các văn bản pháp lý của chủ sở hữu và quy phạm pháp luật của các QCQLNB trong Công ty		
4.4	Kiểm tra việc tuân thủ quy định trong công tác mua sắm tài sản, vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất điện.		
4.5	Giám sát, đánh giá HĐQT, Tổng Giám đốc, NDDPV trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần tại Công ty		

TT	Nội dung kiểm soát	Thời gian dự kiến	Thực hiện
4.6	Giám sát tổ chức thực hiện các dự án đầu tư		
4.7	Kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kết luận giám sát, kiểm tra, thanh tra, điều tra và báo cáo kiểm toán (nếu có) của Công ty		
5	Tổng kết báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát năm 2023 và kế hoạch triển khai thực hiện công tác kiểm soát năm 2024 của BKS Công ty: Lập báo cáo gửi các Cổ đông của Công ty.	01/2024	Trưởng BKS

3. ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BCTC NĂM 2023

Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (đính kèm).

Trên đây là toàn bộ các ý kiến báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện kiểm soát năm 2023. BKS kính báo cáo ĐHĐCĐ thường niên Công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Ngô Nguyên Đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BAN KIỂM SOÁT

Số: 10/TTr-PPC

Hải Dương, ngày 07 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ các Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (“Công ty”).

Nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch trong công tác quản trị và lập báo cáo tài chính (“BCTC”) của Công ty. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2023 thông qua phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC cho Công ty đảm bảo chất lượng, tiến độ báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét năm/bán niên để công bố thông tin như sau:

1. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 của Công ty là các đơn vị kiểm toán độc lập thuộc Danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023, ban hành kèm theo Quyết định số 2324/QĐ-BTC ngày 14/11/2022 của Bộ Tài chính.

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các thủ tục lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 cho Công ty theo quy định pháp luật.

Kính trình HĐQT xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Ngô Nguyên Đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BAN KIỂM SOÁT

Số: 15/TTr-PPC

Hải Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm
soát trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Để đáp ứng yêu cầu về số lượng thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát, phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung và hiệu đính một số điểm, khoản và Điều thuộc “Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại” (*chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm*).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Ngô Nguyên Đồng

PHỤ LỤC 01

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trong Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung
1	khoản 1, 3 và 4 Điều 4	<p>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none">1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	<p>Nhiệm kỳ, số lượng thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none">1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Thành viên BKS có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng BKS sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên BKS để ĐHĐCĐ xem xét quyết định.3. Thành viên BKS bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. BKS phải có phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2	điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều 5	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. <i>(trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);</i></p> <p>e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; là thành viên BKS của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp Nhà nước và là người lao động của Công ty. <i>(trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác);</i></p> <p>b) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>c) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;</p>

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung
3	khoản 2 Điều 7	2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử .
4	khoản 3 Điều 8		3. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.



EVN GENCO2
TPC PHA LAI

**TIÊU CHUẨN
ISO 9001: 2015**

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Mã hiệu: QC-KSV-01

Ban hành: Lần 03

Hiệu chỉnh: Lần 00

Hải Dương, tháng 5 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

PHIẾU KIỂM SOÁT

<input type="checkbox"/> Ban hành <input checked="" type="checkbox"/> Sửa đổi	Tài liệu:	Mã hiệu:
	Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.	QC-BKS-01
Lý do ban hành	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020	
LỊCH SỬ TÀI LIỆU:		
Ngày nhận biết:	24/5/2023	Lần ban hành: 03
Ngày ban hành:	24/5/2023	Lần hiệu chỉnh: 00
CHỦ TRÌ SOẠN THẢO:		
Người soạn thảo:	Họ tên/Chức vụ:	Chữ ký
/Thành viên Ban kiểm soát.	
THAM GIA XEM XÉT:		
Tên các đơn vị tham gia xem xét		
KIỂM TRA		
	Họ tên:	
	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát	
PHÊ DUYỆT:		
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT		

DANH SÁCH TÀI LIỆU PHÂN PHỐI / THU HỒI	
Tài liệu phân phối:	Mã hiệu:
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trong Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.	QC-KSV-01
Đơn vị được phân phối:	Số bản:
Hội đồng Quản trị	04
Ban Kiểm soát	03
Ban Tổng Giám đốc	03
Văn phòng	01
Phòng Tổ chức Lao động	01
Phòng Tài chính Kế toán	01
Phòng Kỹ thuật	01
Phòng Kế hoạch Vật tư	01
Phòng Dự án	01
Ban Quản lý dự án	01
Phòng Bảo vệ Cứu hỏa	01
Phòng An toàn và Môi trường	01
Phân xưởng Hóa	01
Phân xưởng Vận hành 1	01
Phân xưởng Vận hành 2	01
Phân xưởng Cung cấp Nhiên liệu	01
Phân xưởng Phụ trợ	01
Bộ phận ISO (lưu bản gốc)	01
Thư ký Công ty, Thư ký HĐQT	02
Tổng cộng số bản in để phân phối	27
Tài liệu phải thu hồi:	Mã số/hiệu:
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23 tháng 4 năm 2021 hết hiệu lực.	QC-KSV-01

BẢNG THEO DÕI SỬA ĐỔI				
Tên tài liệu:				Mã số:
Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại				QC-KSV-01
MÔ TẢ SỬA ĐỔI				
TT	Lần/ngày sửa đổi	Vị trí sửa đổi (mục/trang)	Nội dung sửa đổi	Ghi chú
1.	15/03/2021	Phụ lục 1 (đính kèm)	Sửa đổi và ban hành mới	

MỤC LỤC

Giải thích các từ gọi và viết tắt	8
Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	9
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	9
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	9
Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	10
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	10
Điều 4. Nhiệm kỳ, số lượng thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát.....	10
Thành viên BKS có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng BKS sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên BKS để ĐHĐCĐ xem xét quyết định.	10
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	11
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	11
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	12
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	13
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	13
Chương III. BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	14
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	16
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	17
Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	17
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	17
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	17
Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	18
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	18
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	18
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	19
Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	20
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	20
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	20
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	20
Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	20
Điều 22. Hiệu lực thi hành	20

Giải thích các từ gọi và viết tắt

Công ty	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 54/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BKS	Ban kiểm soát

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 01/QC-KSV

Hải Dương, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 04 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (Ban kiểm soát);

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm các nội dung sau:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ, số lượng thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Thành viên BKS có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trưởng BKS sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên BKS để HĐQT xem xét quyết định.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Thành viên BKS bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. BKS phải có phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên

ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; là thành viên BKS của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp Nhà nước và là người lao động của Công ty. (*trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác*);

b) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

c) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm **có thể đề cử** thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. **Cơ chế** Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng **và phải được** Đại hội đồng cổ đông **thông qua trước khi tiến hành đề cử**.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. **Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.**

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý,

điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức

tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ

đồng hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại bao gồm 7 chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2023.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHU LUC 1

Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung
1	khoản 1, 3 và 4 Điều 4	<p>Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p>	<p>Nhiệm kỳ, số lượng thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>Thành viên BKS có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách. Trường BKS sẽ xem xét đề xuất cơ chế làm việc của các thành viên BKS để ĐHĐCĐ xem xét quyết định.</p> <p>3. Thành viên BKS bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. BKS phải có phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh</p>

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung doanh của doanh nghiệp.
2	điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 5	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty</p> <p>c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty. <i>(trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);</i></p> <p>e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p>	<p>1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; là thành viên BKS của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp Nhà nước và là người lao động của Công ty. <i>(trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác);</i></p> <p>b) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>c) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;</p>

TT	Điều khoản	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại ngày 23/4/2021	Nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sửa đổi, bổ sung
3	khoản 2 Điều 7	2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	2. Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
4	khoản 3 Điều 8		3. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua.

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/(giảm)	%
Doanh thu bán hàng	3.868	5.278	1.410	36,4%

Giá vốn hàng bán	4.102	4.893	791	19,2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	87	119	32	36,7%
Doanh thu tài chính	452	295	(157)	(34,7%)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	216	497	281	130%

DVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2022	So với kế hoạch	%
Doanh thu	5.573	5.428	145	2,7%
Chi phí	5.015	5.150	(135)	(2,6%)
Lợi nhuận sau thuế	497	278	219	78,8%

5. Báo cáo đánh giá về các giao dịch liên quan:

Giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những Người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đều được bộ phận kiểm toán nội bộ theo dõi.

6. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro trong Công ty:

Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

7. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp:

Các hoạt động của Công ty phù hợp với nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, chế độ quản lý của Nhà nước về kế toán tài chính và thuế;

Các nội dung trong Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã được HĐQT và Ban điều hành triển khai thực hiện đầy đủ.

8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Bộ phận kiểm toán nội bộ với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông:

Trong quá trình hoạt động, Bộ phận kiểm toán nội bộ đã phối hợp tốt với HĐQT, Tổng Giám đốc và các Cổ đông. Bộ phận kiểm toán nội bộ không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Bộ phận kiểm toán nội bộ. Mọi vấn đề phát sinh đều được thảo luận và giải quyết kịp thời.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong bộ phận kiểm toán nội bộ trong năm 2022

Trân trọng./.

Hải Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2023
TRƯỞNG BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP



Lê Tuấn Hải

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Kết quả hoạt động năm 2022; chương trình mục tiêu năm 2023
và các năm tiếp theo

Kính thưa các Quý vị cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại xin báo cáo đến toàn thể Quý vị cổ đông về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2022; Nhiệm vụ, chương trình mục tiêu năm 2023 và những năm tiếp theo như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

I. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2022.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán;

Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Tổng Giám đốc Công ty,

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2022 với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh với KH (%)
1	Sản lượng điện sản xuất		4.043,02	3.194,44	79,01
	DC1	Triệu kWh	1.542,31	1.092,77	70,85
	DC2	Triệu kWh	2.500,70	2.104,66	84,16
2	Sản lượng điện bán (EVN)		3.647,84	2.877,69	78,89
	DC1	Triệu kWh	1.372,20	950,80	69,29
	DC2	Triệu kWh	2.275,64	1.926,89	84,67
3	Tổng doanh thu	tỷ đồng	5.427,61	5.574,42	102,70
	Doanh thu từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.143,74	5.263,91	102,34
	Doanh thu hoạt động tài chính	tỷ đồng	262,73	295,25	112,38
	Doanh thu hoạt động, sx khác	tỷ đồng	21,14	15,25	72,14
4	Tổng chi phí	tỷ đồng	5.149,76	5.015,79	97,40
	Chi phí từ sản xuất điện	tỷ đồng	5.143,74	5.012,36	97,45
	Chi phí hoạt động tài chính	tỷ đồng	0	2,62	
	Chi phí hoạt động, sx khác	tỷ đồng	6,02	0,81	13,46
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	277,85	558,63	201,05
	Lợi nhuận từ sản xuất điện	tỷ đồng	0,00	251,55	-
	Lợi nhuận hoạt động tài chính	tỷ đồng	262,73	292,63	111,38
	Lợi nhuận hoạt động, sx khác	tỷ đồng	15,12	14,45	95,57

2. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận

Công ty đảm bảo vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, cân đối sử dụng dòng tiền, thực hiện hiệu quả công tác xử lý và thu hồi công nợ tồn đọng lâu năm, thực hiện nộp thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đúng hạn quy định.

Tổng doanh thu năm 2022 đạt 5.574,42 tỷ đồng bằng 102,70%/KH. Tổng chi phí năm 2022 là 5.015,79 tỷ đồng bằng 97,40%/KH.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 558,63 tỷ đồng đạt 201,05% KH, trong đó, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất điện là 251,55 tỷ đồng.

Công ty đã sử dụng nguồn tiền linh hoạt hợp lý, đáp ứng nhu cầu SXKD và tối đa hiệu quả sử dụng vốn. Để tăng doanh thu hoạt động tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, Công ty đã mời các Ngân hàng chào cạnh tranh lãi suất gửi tiết kiệm cũng như chào lãi suất vay vốn. Đối với đầu tư tài chính dài hạn, Công ty thông qua người đại diện phần vốn thường xuyên giám sát, báo cáo tình hình hoạt động của Công ty được đầu tư vốn, từ đó, có những giải pháp phù hợp. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 là 295,25 tỷ đồng đạt 103,69% KH năm.

Về công tác tài chính của Công ty có những khó khăn như: giá trị hàng tồn kho lớn gây ứ đọng vốn; chi phí nhiên liệu, thuế tài nguyên và chi phí dịch vụ mua ngoài đều tăng; nhu cầu về vốn để Công ty thực hiện các Dự án môi trường hai dây chuyền là rất lớn, đồng thời phát sinh thêm chi phí khắc phục sự cố S6.

3. Đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính Đầu tư ngắn hạn: Bao gồm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng. Đến ngày 31/12/2022 số dư tiền gửi là 90 tỷ đồng (HĐ từ 4 tháng đến 6 tháng) và nhận lãi từ các hợp đồng tiền gửi là: 17,98 tỷ đồng. Khoản tiền cho GENCO 2 huy động vốn là: 188,16 tỷ đồng (ngắn hạn). Trong năm 2022, PPC nhận lãi từ khoản cho vay này là: 10,28 tỷ đồng.

Đầu tư dài hạn: Các khoản đầu tư dài hạn đến 31/12/2022 tổng giá trị đầu tư góp vốn vào các dự án điện là: 2.535,9 tỷ đồng. Trong năm 2021, PPC nhận được cổ tức của các khoản đầu tư dài hạn này là: 266,96 tỷ đồng.

Kế hoạch dòng tiền: Hàng tháng, hàng tuần Công ty cân đối và sử dụng nguồn tiền có hiệu quả đảm bảo vốn kịp thời, đầy đủ phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản tiền nhàn rỗi, PPC thực hiện mời các Tổ chức tín dụng gửi bản chào lãi suất và lựa chọn gửi tiền tại các Tổ chức tín dụng có uy tín và lãi suất cạnh tranh để tăng lợi nhuận cho công ty.

4. Công tác sửa chữa lớn

Với mục tiêu tập trung thực hiện các giải pháp duy tu, sửa chữa đảm bảo độ tin cậy, tiếp tục duy trì khai thác có hiệu quả các tổ máy của DC1. Trong đó tập trung thực hiện đối với các hệ thống thiết bị quan trọng bị xuống cấp/hư hỏng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Đối với DC1, kế hoạch thực hiện sửa chữa lớn đại tu tổ máy S2, tuy nhiên do các yếu tố khách quan đem lại đã khiến công tác chuẩn bị gặp khó khăn, tiến độ cung cấp vật tư thiết bị kéo dài hơn so với yêu cầu nên đã không thực hiện được.

Đối với DC2 sửa chữa lớn tổ máy S6 đồng bộ với gói thầu khắc phục sự cố Tuabin-Máy phát 6 đảm bảo nâng cao độ tin cậy, khả dụng tổ máy, từng bước cải thiện các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất; kịp thời thay thế các thiết bị hư hỏng/xuống cấp và các thiết bị đã đến chu kỳ thay thế đảm bảo hoạt động ổn định, tin cậy. Trong năm 2022 công tác chuẩn bị đối với các gói thầu sửa chữa lớn khối 6

cũng gặp khó khăn, các gói thầu phải thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà thầu lại. Đến thời điểm hiện tại các gói thầu đại tu S6 cơ bản đã hoàn thiện lựa chọn nhà thầu đáp ứng phục vụ đại tu đồng bộ với sửa chữa sự cố.

S6 sự cố ngày 16/3/2021 hiện tại các rô to tuabin-máy phát 6 đang sửa chữa tại xưởng sửa chữa hãng GE tại Sanand - Ấn Độ từ ngày 3/12/2022. Đến thời điểm hiện tại, xưởng sửa chữa GE vẫn đang trong quá trình thực hiện các công việc sửa chữa, PPC liên tục phối hợp với các nhà thầu theo dõi chặt chẽ các công việc liên quan sửa chữa Rô to để sớm đưa S6 vào vận hành ổn định.

5. Công tác thị trường điện

Công tác chào giá đáp ứng đúng quy định của thị trường. Có chiến lược hợp lý, phù hợp với tình trạng thiết bị với chiến lược chào giá tối ưu.

Hiệu quả mang lại: Giá bán điện bình quân cao hơn giá Pc bình quân. Giá bán điện bình quân PL1 đạt 1.976,62 đồng/kWh (Pc bình quân là 1.841,98 đồng/kWh); Giá bán điện bình quân PL2 đạt 1.646,63 đồng/kWh (Pc bình quân là 1.603,78 đồng/kWh).

Các công việc trực tiếp đến công tác tác thị trường điện, Công ty đều thực hiện đúng theo các văn bản pháp quy. Đúng quy trình, quy định.

Các công việc liên quan khác (trong công tác quản lý kỹ thuật như kiểm định TU/TI): Hệ thống đo đếm điện năng DC1 xuất hiện sai số do các TU bị sai số vượt quy chuẩn kỹ thuật, có 27 điểm đo (tương ứng với 25 TU) không đạt cấp chính xác. Tháng 11/2021 PPC đã thay mới 08 TU điểm đo sai số vượt cấp chính xác; Tháng 3/2023 PPC đã triển khai gói thầu thay mới tiếp 07 TU điểm đo chính có sai số vượt cấp chính xác (dự kiến khoảng tháng 8/2023 thay xong); PPC tiếp tục có kế hoạch thay mới 10 TU không đạt cấp chính xác còn lại trong năm 2023.

Ngoài ra, Công ty thực hiện lập thỏa thuận đo đếm điện năng với EPTC, xử lý các tồn tại sai số hệ thống đo đếm dự phòng 1, 2 và vấn đề các TU, TI. Đã thống nhất với EPTC về việc tạm truy thu thoái hoàn điện năng do sai số thiết bị đo đếm tại điểm đo và thống nhất xuất hóa đơn tài chính.

6. Công tác tổ chức, lao động

Trong năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác đối với các chức danh công việc trực tiếp tham gia quá trình mua sắm, tiếp nhận vật tư, thiết bị, nhiên liệu phục vụ sản xuất. Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Tổng số lao động đầu năm 2022 là 834 lao động; Tổng số lao động đến tháng 12/2022 là 752 lao động; lao động bình quân năm 2022 là 794 lao động.

Trong năm 2022, đã hoàn thành thủ tục giải quyết cho 71 LĐ nghỉ chế độ hưu trí, 07 LĐ nữ nghỉ chế độ thai sản và hàng chục lượt NLĐ nghỉ chế độ ốm đau, dưỡng sức phục hồi sức khỏe.

II. Hoạt động của HĐQT.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty;

Căn cứ Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/6/2022;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại,

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các Nghị quyết, Quyết định. Từ sau Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 06 năm 2022, căn cứ vào kết quả các cuộc họp và văn bản xin ý kiến Hội đồng quản trị, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ký ban hành 274 Nghị quyết. Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự quy định.

Các phiên họp HĐQT đều mời Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia. Đối với các vấn đề quan trọng, HĐQT mời trưởng các đơn vị, phòng ban có liên quan trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT kịp thời, tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả SXKD cho Công ty.

Cụ thể, từ sau Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ với những nội dung chính như sau:

- Bầu chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm chức danh quyền Tổng Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021.

- Ký kết hợp đồng kiểm toán.

- Điều chỉnh kế hoạch tự kiểm soát tuân thủ năm 2022 của Công ty.

- Kiện toàn nhân sự lãnh đạo, quản lý.

- Về việc chủ trương điều động cán.

- Áp dụng Quy chế số 127/QĐ-HĐTV ngày 01/10/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Thông qua phê duyệt chủ trương bổ nhiệm lại.

- Thông qua điều động, bổ nhiệm cán bộ.

- Nâng bậc lương và chuyển ngạch lương đối với cán bộ quản lý.

- Giao thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ tại PPC;

- Thông qua chủ trương đàm phán sản lượng hợp đồng các tháng 08-12/2022 NMNĐ PL1&2.

- Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

- Thông qua thành lập đoàn kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch về công tác Kiểm tra, Thanh tra và Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022.

- Thông qua áp dụng Quy chế Quản lý tài sản và vốn.

- Thông qua thành lập Tổ thẩm định đấu thầu gói thầu.

- Thông qua phê duyệt danh mục quy trình dự kiến xây dựng hồ sơ quản trị rủi ro cấp quy trình năm 2022, 2023 tại PPC.

- Thông qua xác định giá trị mua bảo hiểm tài sản mang đi sửa chữa tại nước ngoài.

- Thông qua Ban hành Quy chế tuyển dụng lao động trong Công ty.

- Thông qua phê duyệt các dự toán; dự thảo Hồ sơ mời thầu; Kết quả lựa chọn nhà thầu, phụ lục hợp đồng.

- Hợp Hội đồng quản trị các quý năm 2022 theo quy định của Điều lệ.

Ngoài các Nghị quyết/Quyết định trên, trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ra 280 Quyết định về việc phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao ý kiến biểu quyết tán thành.

*** Thực hiện chi trả tiền lương, thù lao đối với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Người Quản lý năm 2022 như sau:**

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 của HĐQT, Người quản lý, KSV tại PPC là 3.244,857 triệu đồng. Trong đó, tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2022 là **1.648,893** triệu đồng, cụ thể như sau:

STT	Chức vụ	Số tiền (triệu đồng)	Ghi chú
I.	Tiền lương, thù lao của HĐQT (chưa bao gồm ATĐ)		
1	Chủ tịch HĐQT	231,984	
2	Thành viên HĐQT (chuyên trách)	283,085	
2	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	294,400	
II.	Tiền lương, thù lao của BKS (chưa bao gồm ATĐ)		
1	Trưởng BKS	618,624	
2	Thành viên BKS (không chuyên trách)	220,800	
III.	Tổng cộng	1.648,893	

III. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn đối với Công ty, hầu hết các chỉ tiêu dự kiến đều không đạt kế hoạch được giao. Tuy nhiên, Công ty đã phấn đấu thực hiện tốt nhất có thể kế hoạch SXKD năm 2022.

PHẦN THỨ HAI
NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NĂM 2023
VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO

A. KẾ HOẠCH NĂM 2023 VÀ ĐẦU TƯ

Kế hoạch SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng điện sản xuất: 3.894,17 triệu kWh;
- Sản lượng điện thương phẩm: 3.532,37 triệu kWh;
- Kế hoạch vốn cho sửa chữa lớn: 373,70 tỷ đồng (giá trị sau chiết giảm 20%)
- Kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định: 337,67 tỷ đồng,
- Doanh thu : 5.948,97 tỷ đồng
- Chi phí : 5.682,36 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 266,61 tỷ đồng

(Đã bao gồm phần đầu tiết giảm 10% chi phí vật liệu, dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác, tiết giảm 20% chi phí sửa chữa lớn).

- Cổ tức: Dự kiến 5% vốn điều lệ.

(chi tiết như trong báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023)

B. CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ NÂNG CAO HIỆU QUẢ NĂM 2023.

I. Chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

1. Nâng cao hiệu quả SXKD

a) Chỉ tiêu tăng doanh thu SXKD điện

- Đảm bảo độ sẵn sàng lò, máy và nhiên liệu đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện đảm bảo kế hoạch sản lượng cả năm 2023.
- Đưa khối 6 vào vận hành an toàn, hiệu quả sau khi sửa chữa khắc phục.

b) Chỉ tiêu giảm chi phí SXKD

- Thực hiện đạt chỉ tiêu chi phí O&M theo KH 2023 giao.
- Thực hiện đạt chỉ tiêu tỷ lệ điện tự dùng, suất tiêu hao kế hoạch năm 2023.
- Tiết kiệm 10% chi phí theo định mức (vật liệu, dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền); chi phí sửa chữa lớn (tạm thực hiện tiết kiệm 20% dự toán được duyệt cho đến khi cấp có thẩm quyền thông qua/phê duyệt việc điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân).

2. Nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống

Thực hiện đạt chỉ tiêu hệ số khả dụng, tỷ lệ dừng máy do sự cố, tỷ lệ dừng máy do bảo dưỡng, hệ số đáp ứng năm 2023.

3. Nâng cao năng suất lao động

Thực hiện đạt và vượt năng suất lao động giao năm 2023.

4. Nâng cao hiệu quả tài chính

- Đảm bảo hoạt động SXKD có lãi, đạt và vượt kế hoạch.
- Hệ số bảo toàn vốn ≥ 1 ;

- Khả năng thanh toán ngắn hạn >1 ;
- Tỷ lệ sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) $\geq 10\%$.

5. Tăng hiệu quả sử dụng nguồn vốn

- Hoàn thành 100% kế hoạch sửa chữa lớn
- Thanh xử lý 100% VTTB tồn đọng, kém mất phẩm chất;
- Tăng hiệu quả trong công tác đấu thầu:

Nhiệm vụ đầu tư xây dựng

- Thực hiện tiết kiệm chống lãng phí trong ĐTXD:
- Kiểm soát lập, trình, duyệt dự án/công trình và quản lý chi phí;
- Quản lý tiến độ và chất lượng công trình;
- Thực hiện quyết toán đúng thời gian quy định;
- Đảm bảo an toàn trong đầu tư xây dựng.

6. Nhiệm vụ Quản trị doanh nghiệp

- Cải cách thể chế, cải cách hành chính;
- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ và đúng hạn theo quy định;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng lao động;
- Đảm bảo công tác môi trường của các công trình điện;
- Nâng cao hiệu quả công tác truyền thông;
- Thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường;

7. Nhiệm vụ thực hiện Chủ đề năm

Thực hiện các nhiệm vụ chủ đề năm “**Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**”.

Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ
- Lưu: VT, HĐQT.



Nguyễn Xuân Điện

Số:

Hải Dương, ngày

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương cấp lần thứ nhất ngày 26/01/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 24/04/2023;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-PPC ngày 08/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại về việc chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023; Nghị quyết số 75/NQ-HĐQT ngày 18/4/2023 về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/04/2023 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại: Tổng số cổ đông của Công ty tính đến ngày 29 tháng 03 năm 2023 là ngày đăng ký cuối cùng để tổ chức Đại hội đồng cổ đông là cổ đông; Tổng số cổ phần sở hữu là 326.235.000 cổ phần (100% cổ phần là cổ phiếu phổ thông); Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 320.613.054 cổ phần, đã trừ 5.621.946 cổ phần là cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ đông và người đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội hôm nay là cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cổ phần, chiếm tỷ lệ % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung chủ yếu sau:

1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
Tỷ lệ biểu quyết tán thành là tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là %; Không có ý kiến là .. %
2. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023; Đồng thời giao HĐQT tổ chức thực hiện và quyết định các nội dung phát sinh hoặc các nội dung cấp bách cần triển khai thực hiện trước của năm kế tiếp:
 - a, Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty
 - Sản lượng điện sản xuất: triệu kWh, đạt % so với kế hoạch.
 - Sản lượng điện thương phẩm: triệu kWh, đạt ... % so với kế hoạch.
 - Tổng doanh thu (bao gồm doanh thu bán điện, doanh thu tài chính và thu nhập khác): tỷ đồng, đạt % so với kế hoạch;
 - Tổng chi phí (đã bao gồm chi phí tài chính, chi phí khác): tỷ đồng, % so với kế hoạch;
 - Tổng lợi nhuận trước thuế: tỷ đồng, đạt % so với kế hoạch
 - b, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với một số nội dung chính (có bản chi tiết kèm theo):

- Điện năng sản xuất : triệu kWh.
- Điện năng bán cho EVN :triệu kWh.
- Kế hoạch sửa chữa lớn : tỷ đồng
- Kế hoạch mua sắm, đầu tư tài sản cố định : tỷ đồng
- Doanh thu : tỷ đồng
- Chi phí : tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : tỷ đồng

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là..... %; Không có ý kiến là ... %

3. Thông qua mức cổ tức, phân phối lợi nhuận năm 2022 và dự kiến cổ tức năm 2023 như sau:

a, Thông qua mức cổ tức, phân phối lợi nhuận năm 2022.

- Tổng số lợi nhuận phân phối năm 2022 là : đồng.
- Chia cổ tức (..... % /VĐL) : . đồng.
- Trích quỹ phúc lợi : . đồng.
- Trích quỹ khen thưởng : đồng.
- Trích quỹ thưởng viên chức quản lý : đồng.
- Lợi nhuận để lại : đồng.

b) Dự kiến mức cổ tức năm 2023 là% trên vốn điều lệ.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là %/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là %; Không có ý kiến là... %

4. Thông qua mức chi trả tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát; mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và Dự kiến năm 2023. Cụ thể:

* Năm 2022: Tổng số tiền: triệu đồng, trong đó:

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) : triệu đồng;
- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát (chuyên trách): triệu đồng;
- Thù lao của thành viên HĐQT (không chuyên trách) : triệu đồng;
- Thù lao của Thành viên BKS (không chuyên trách) : triệu đồng.

* Kế hoạch năm 2023: Tổng tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát; Thù lao của hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là triệu đồng, Trong đó:

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT : triệu đồng ;
- Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách : triệu đồng;
- Thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách : triệu đồng;
- Thù lao Thành viên BKS không chuyên trách : triệu đồng;

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là%; Không có ý kiến là%.

5. Thông qua lựa chọn đơn vị thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như đề xuất của Ban kiểm soát Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là.....%; Không có ý kiến là%.

6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là ...%; Không có ý kiến là ..%.

7. Thông qua báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là ...%; Không có ý kiến là ..%.

8. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và phương hướng nhiệm vụ các năm tiếp theo.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là...%; Không có ý kiến là...%.

9. Thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là...%; Không có ý kiến là...%.

10. Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là...%; Không có ý kiến là...%.

11. Thông qua sửa đổi quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là...%; Không có ý kiến là...%.

12. Thông qua sửa đổi quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết tán thành là%/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tham dự Đại hội; Không tán thành là...%; Không có ý kiến là...%.

13. Thông qua miễn nhiệm Thành viên HĐQT; Bầu thay thế Thành viên HĐQT Công ty.

.....
Điều 2. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24/05/2023.

Điều 3. Đại Hội đồng cổ đông Công ty giao Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCKNN; HOSE;
- TT lưu ký CK;
- Website của PPC
- TVHĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

Nguyễn Xuân Diện